CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Nhiệt điện Phả Lại

Ngày 30/06/2025	11,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-5.0%	**-0.9%**	**2.2%**

DT thuần
Q2/25
1,940
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 404| 26.3%
YoY: ▼529| -21.4%

LN thuần
Q2/25
6.26
tỷ VNĐ
QoQ: ▼59.3| -90.5%
YoY: ▼106| -94.4%

LN sau thuế
Q2/25
6.09
tỷ VNĐ
QoQ: ▼46.2| -88.4%
YoY: ▼87.7| -93.5%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
0.4%
YoY: +/-▼ 3.9%

ROE (TTM)
Q2/25
5.1%
YoY: +/-▼ 1.9%

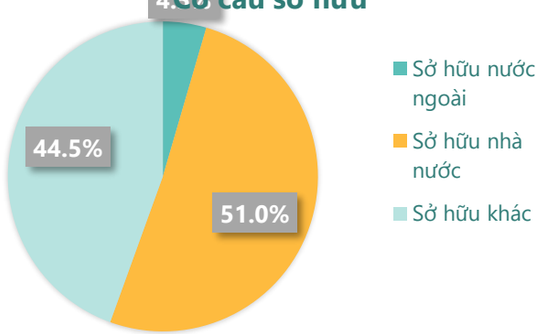
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	10,550 - 14,742
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,687
Số lượng CPLH (CP)	320,613,054
KLGD BQ 20 phiên (CP)	390,805
Sở hữu nước ngoài	4.5%
Beta	0.60
EPS	721
P/E	15.9

DT thuần
6T 2025
3,476
tỷ VNĐ
YoY: ▼989| -22.1%

LN thuần
6T 2025
71.9
tỷ VNĐ
YoY: ▼199| -73.5%

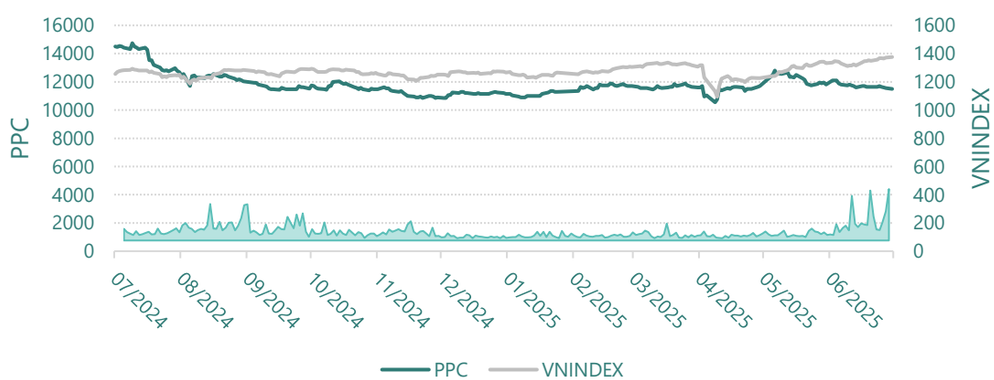
LN sau thuế
6T 2025
58.4
tỷ VNĐ
YoY: ▼193| -76.7%

Cơ cấu sở hữu

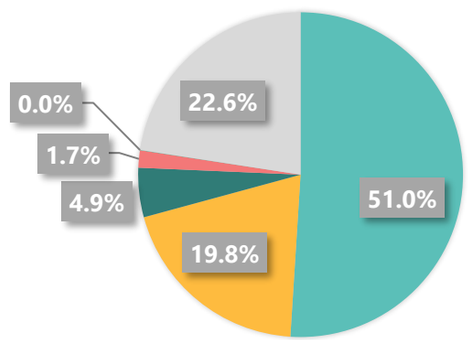


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

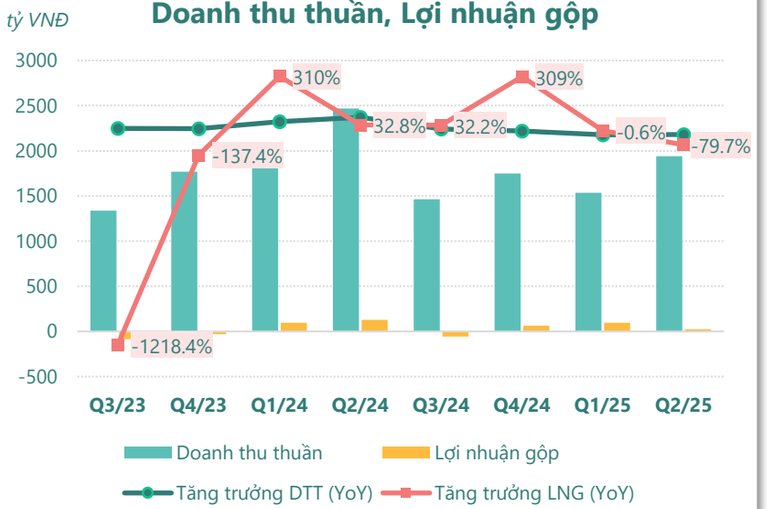


Tổng Công ty Phát điện 2 - CTCP
Công ty TNHH Năng lượng REE
Samarang UCITS - Samarang Asian Prosperity
CTCP Nhiệt điện Phả Lại
Phạm Văn Thư
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

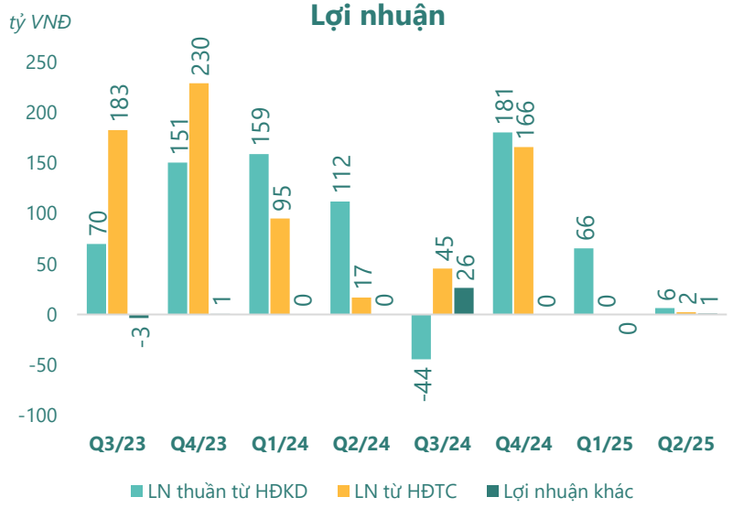
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



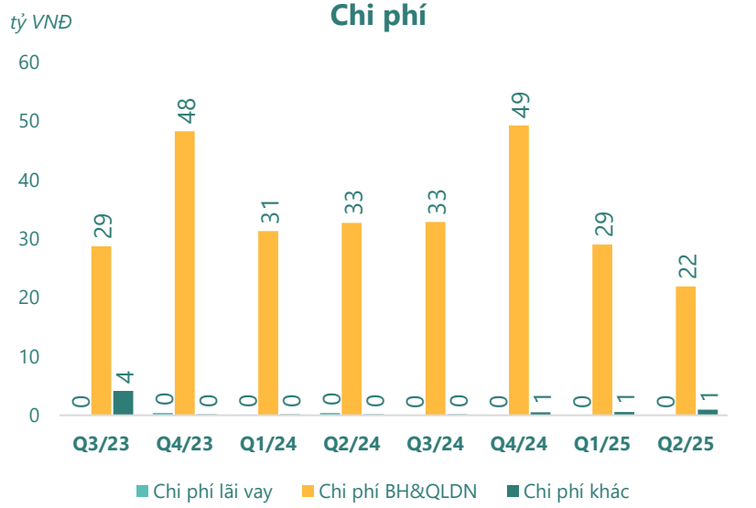
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



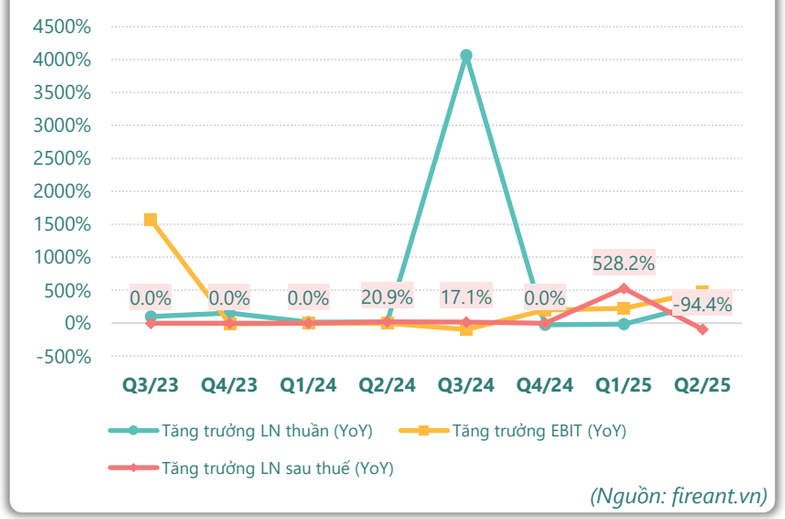
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



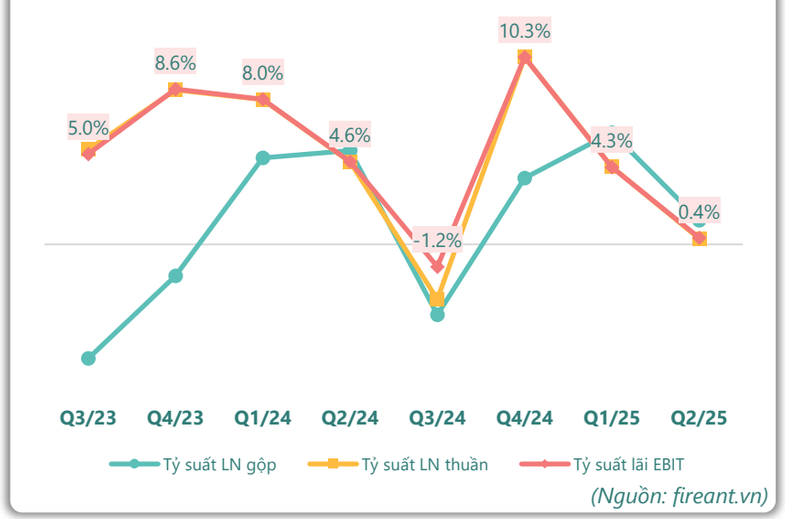
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



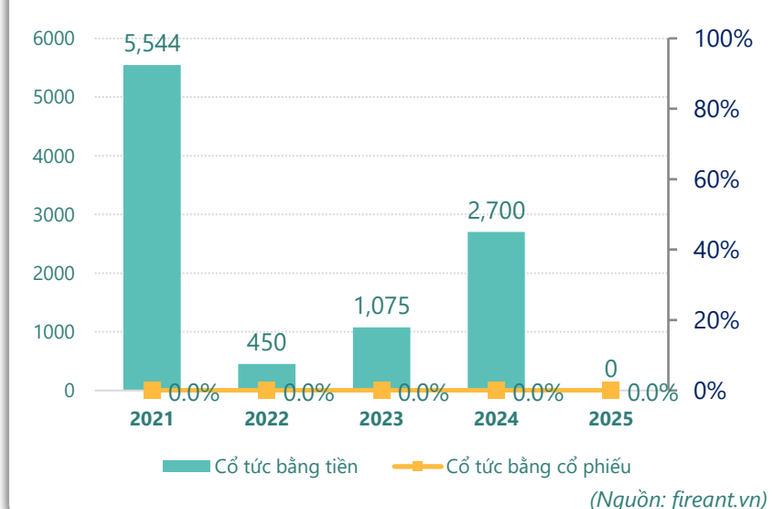
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

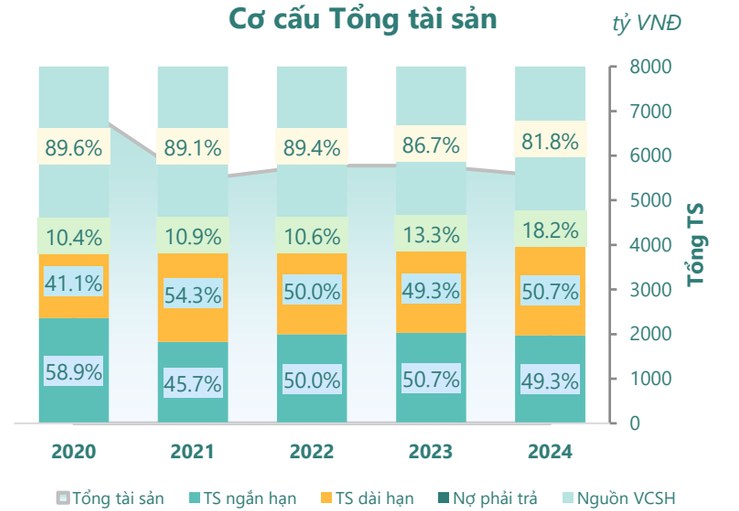
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

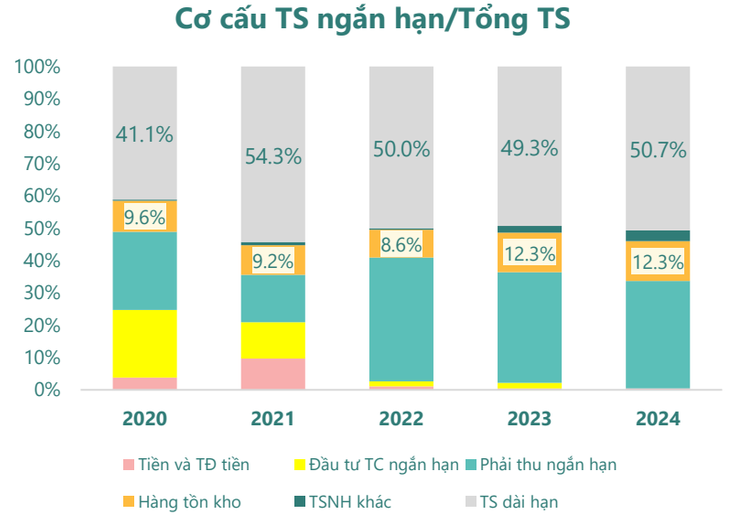
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



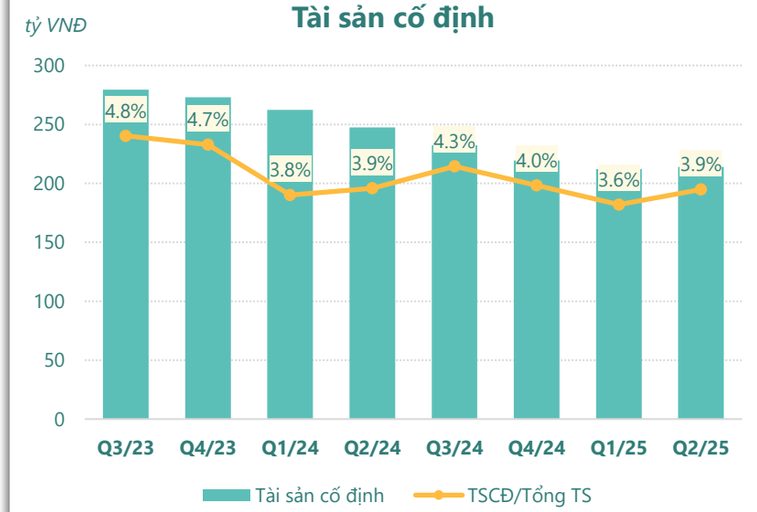
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



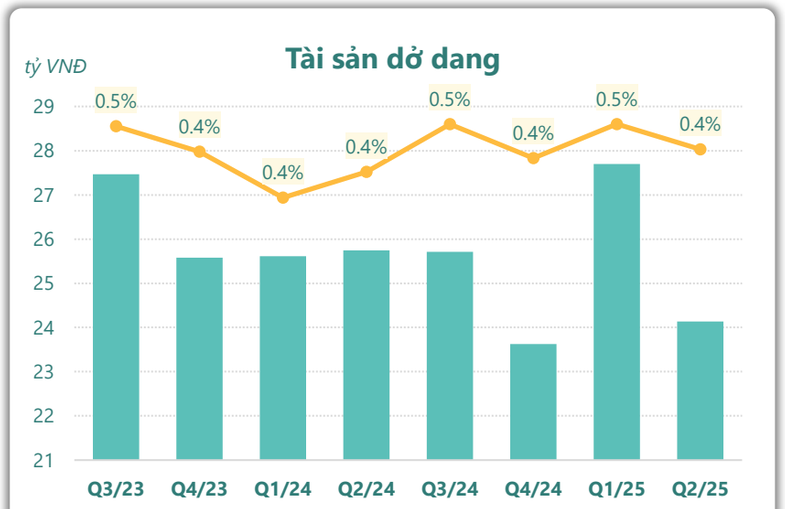
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



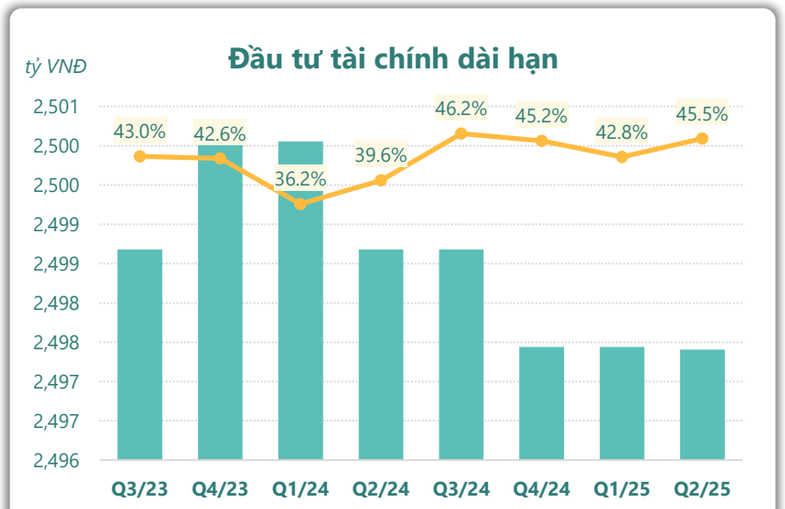
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



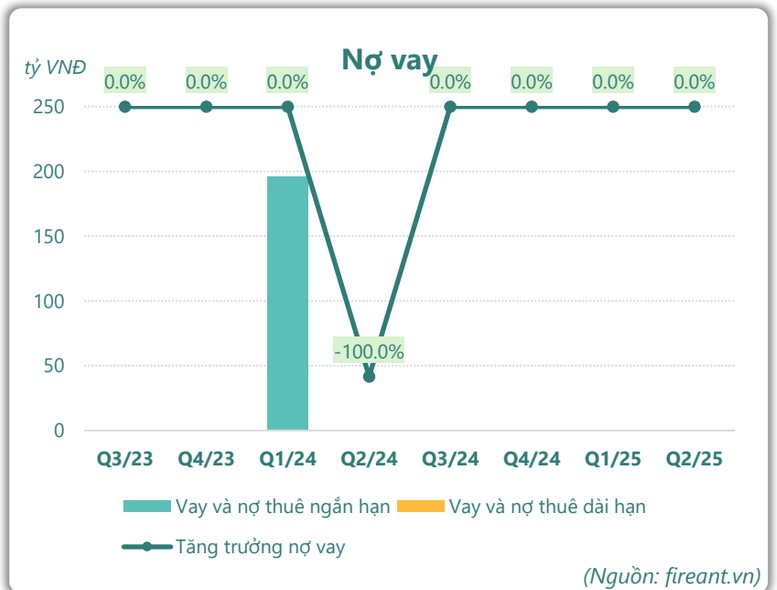
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

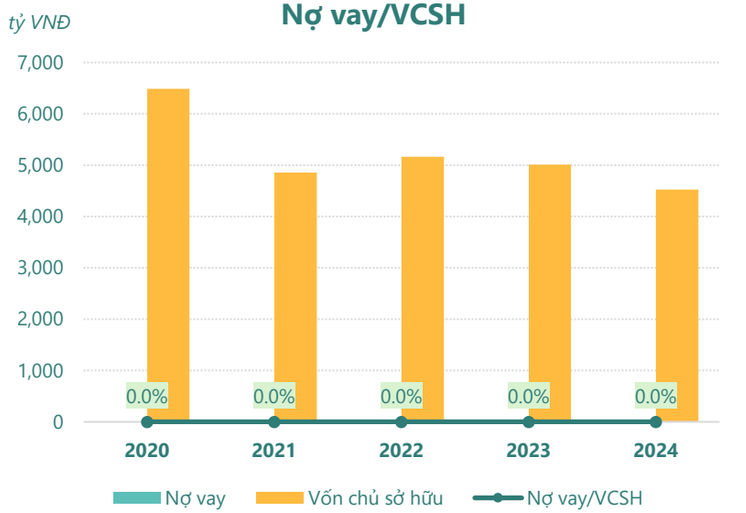
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

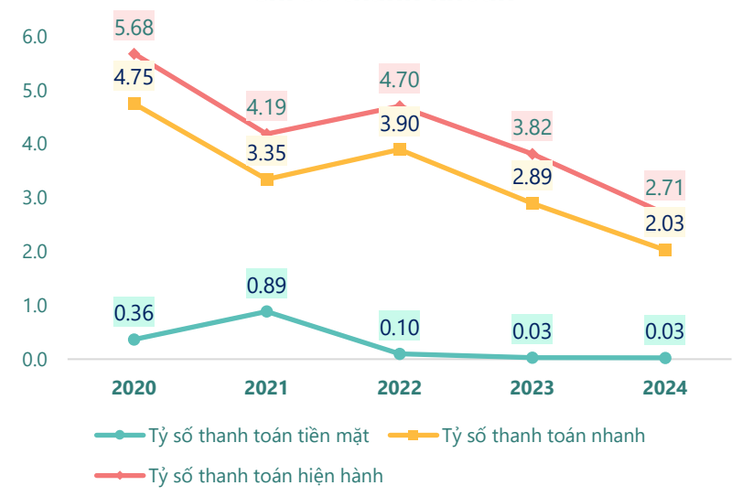
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



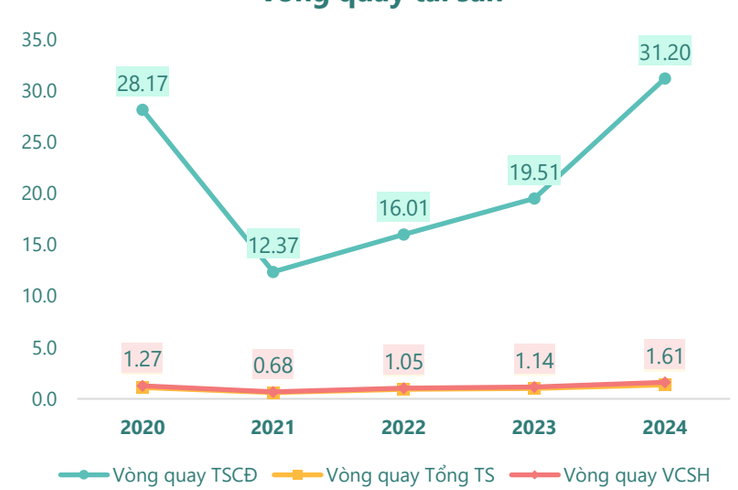
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



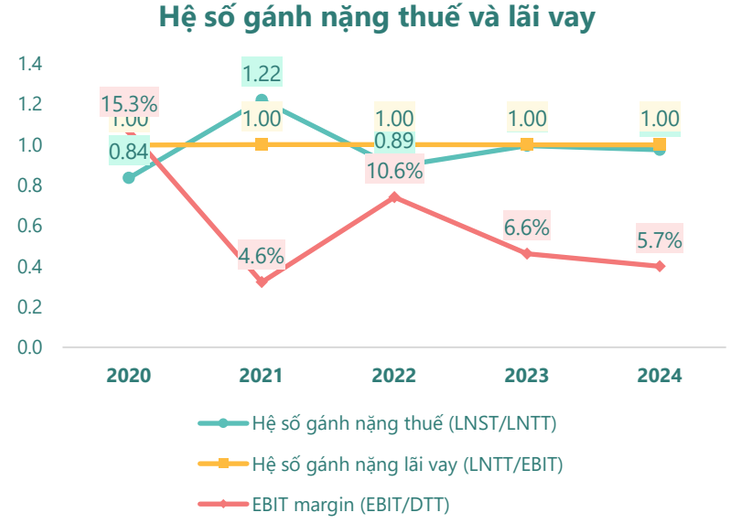
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



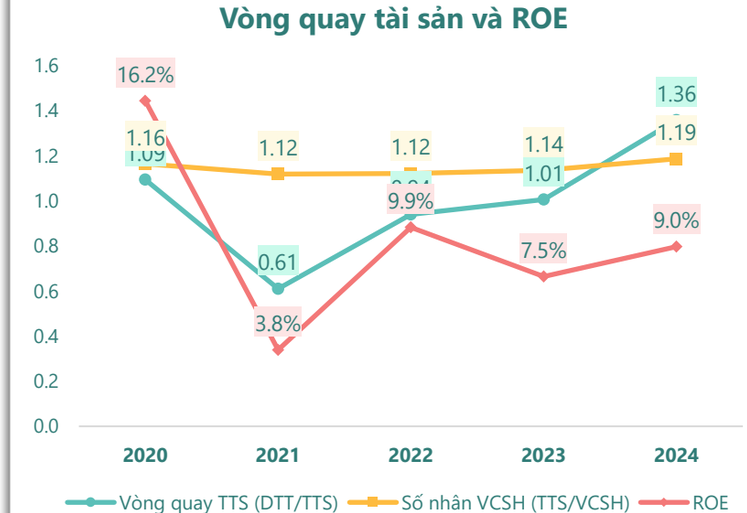
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



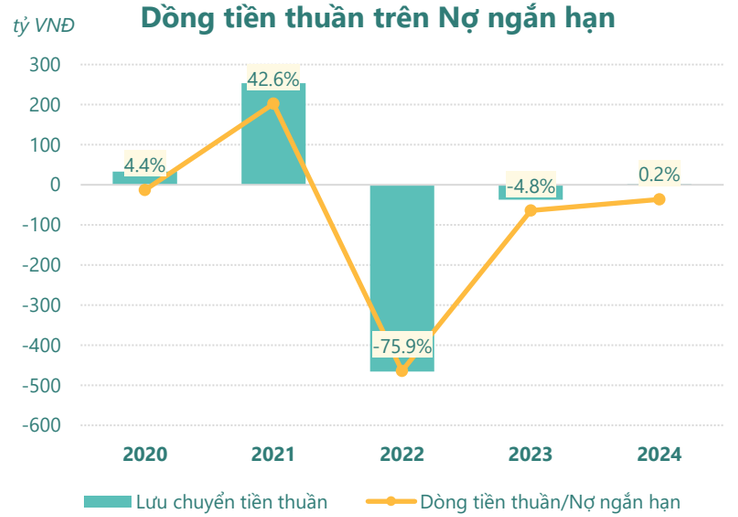
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,940**	**2,469**	**-21.4%**	**3,476**	**4,465**	**-22.1%**
Giá vốn hàng bán	1,914	2,341	-18.2%	3,356	4,242	-20.9%
Lợi nhuận gộp	25.9	128	-79.7%	121	223	-45.9%
Doanh thu HĐTC	2.28	18.6	-87.8%	2.30	114	-98.0%
Chi phí TC	0.04	1.77	-97.6%	0.04	1.86	-97.7%
Chi phí lãi vay	0	0.40	-100%	0	0.48	-100%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**21.9**	**32.7**	**-33.0%**	**51.0**	**64.0**	**-20.4%**
LN thuần từ HĐKD	6.26	112	-94.4%	71.9	271	-73.5%
Lợi nhuận khác	**0.85**	**0.30**	**185%**	**0.66**	**0.57**	**15.1%**
LN trước thuế	7.12	112	-93.6%	72.6	272	-73.3%
Lợi nhuận sau thuế	**6.09**	**93.8**	**-93.5%**	**58.4**	**251**	**-76.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**6.09**	**93.8**	**-93.5%**	**58.4**	**251**	**-76.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-368	352	335	174	-49.4	6.78
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	204	108	46.9	38.7	95.1	5.92
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	196	-502	-383	-200	-64.1	0
Tiền đầu kỳ	23.5	55.1	13.7	12.8	25.5	7.02
Lưu chuyển tiền thuần	**31.6**	**-41.4**	**-0.90**	**12.7**	**-18.4**	**12.7**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	55.1	13.7	12.8	25.5	7.02	19.7

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**5,492**	**5,534**	**-0.8%**
Tài sản ngắn hạn	2,713	2,730	-0.6%
Tiền và tương đương tiền	19.7	25.5	-22.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	1,608	1,838	-12.5%
Hàng tồn kho	853	682	24.9%
Tài sản ngắn hạn khác	233	185	26.0%
Tài sản dài hạn	**2,779**	**2,803**	**-0.9%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	214	219	-2.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	24.1	25.9	-7.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	2,497	2,497	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**43.5**	**60.5**	**-28.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	972	1,009	-3.7%
Nợ ngắn hạn	**972**	**1,009**	**-3.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	733	799	-8.3%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**4,520**	**4,524**	**-0.1%**
Vốn chủ sở hữu	**4,520**	**4,524**	**-0.1%**
Vốn điều lệ	3,262	3,262	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)